

BIỂU 1: ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Kéo dài sang năm 2026 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ & MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của Hội đồng nhân dân xã Vũ Lăng)

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Mã dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn còn lại được phép sử dụng trong năm 2026			Điều chỉnh kế hoạch vốn còn lại được phép sử dụng trong năm 2026						Kế hoạch vốn còn lại được phép sử dụng trong năm 2026 sau điều chỉnh			Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng Chương trình	Trong đó		Giảm			Tăng			Tổng cộng Chương trình	Trong đó				
						Tổng số	Trong đó: vốn NSTW			NSTW	NST	Tổng cộng Chương trình	NSTW	NST	Tổng cộng Chương trình	NSTW	NST		NSTW	NST			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG					13.736,238	13.736,238	9.884,991	1.898,789	1.898,789	-	987,560	987,560	-	987,560	987,560	-	911,229	911,229	-			
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					1.328,000	1.328,000	1.037,696	281,084	281,084	-	281,084	281,084	-	-	-	-	-	-	-			
1	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Hương	8097065	xã Vũ Lăng	2024	1347/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	648,000	648,000	535,389	103,391	103,391	-	103,391	103,391	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
2	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Lập	8162453	xã Vũ Lăng	2025	86/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	680,000	680,000	502,307	177,693	177,693	-	177,693	177,693	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					10.408,238	10.408,238	8.847,295	1.617,705	1.617,705	-	706,476	706,476	-	-	-	-	911,229	911,229	-			
3	Mương thôn Tân Kỳ xã Chiêu Vũ	8088515	xã Vũ Lăng	2024	1239/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	1.011,238	1.011,238	947,639	248,361	248,361	-	248,361	248,361	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
4	Đường giao thông thôn Cầu Hìn xã Tân Hương	8089502	xã Vũ Lăng	2024-2025	66/QĐ-UBND ngày 25/4/2024; 177/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	1.800,000	1.800,000	1.556,650	183,350	183,350	-	183,350	183,350	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
5	Đường giao thông Bàn Luông -Thâm Dầu - Kéo Còi xã Vũ Lăng (GD4)	8148606	xã Vũ Lăng	2025	37/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	651,000	651,000	630,432	20,568	20,568	-	20,568	20,568	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
6	Đường giao thông xóm Nà Riễn, thôn Nà Cái, xã Tân Lập (GD4)	8154673	xã Vũ Lăng	2025	55/QĐ-UBND ngày 22/3/2025	651,000	651,000	637,059	13,941	13,941	-	13,941	13,941	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
7	Đường giao thông Khưa Cái-Lân Vỹ thôn Nam Hương 2	8030521	xã Vũ Lăng	2023-2024	59/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	1.940,000	1.940,000	1.828,163	111,837	111,837	-	111,837	111,837	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
8	Đường giao thông Bàn Luông -Thâm Dầu - Kéo Còi xã Vũ Lăng (tiếp)	8029380	xã Vũ Lăng	2024-2025	186/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	651,000	651,000	556,337	26,663	26,663	-	26,663	26,663	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
9	Đường giao thông xóm Nà Riễn - thôn Nà Cái, xã Tân Lập (tiếp)	8029381	xã Vũ Lăng	2023	111/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	583,000	583,000	572,336	10,664	10,664	-	10,664	10,664	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
10	Đường giao thông vào khu di tích nà kheo xã Tân Hương	8098358	xã Vũ Lăng	2024-2025	176/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	500,000	500,000	315,000	185,000	185,000	-	42,418	42,418	-	-	-	-	142,582	142,582	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
11	Đường giao thông Bàn Luông -Thâm Dầu - Kéo Còi xã Vũ Lăng (tiếp)	8097063	xã Vũ Lăng	2024-2025	186/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	651,000	651,000	640,565	10,435	10,435	-	10,435	10,435	-	-	-	-	-	-	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
12	Đường giao thông xóm Nà Riễn, thôn Nà Cái, xã Tân Lập (tiếp)	8097066	xã Vũ Lăng	2024	68/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	652,000	652,000	540,000	112,000	112,000	-	38,239	38,239	-	-	-	-	73,761	73,761	-	Dự án hết nhiệm vụ chi	Phòng Kinh tế	
13	Đường giao thông Bàn Luông -Thâm Dầu - Kéo Còi, thôn Bàn Luông, xã Vũ Lăng (Giai đoạn 5)	8175203	xã Vũ Lăng	2025-2026	642/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	718,000	718,000	171,252	546,748	546,748	-	-	-	-	-	-	-	546,748	546,748	-	Dự án còn nhiệm vụ chi		
14	Đường giao thông xóm Nà Riễn - thôn Nà Cái, xã Tân Lập (Giai đoạn 5)	8172380	xã Vũ Lăng	2025-2027	643/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	600,000	600,000	451,862	148,138	148,138	-	-	-	-	-	-	-	148,138	148,138	-	Dự án còn nhiệm vụ chi		

III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					2.000,000	2.000,000	-	-	-	-	-	-	-	987,560	987,560	-	-	-	-			
1	Đường giao thông Thâm Tung, Thanh Yên xã Vũ Lăng, tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 1)		xã Vũ Lăng	2026		2.000,000	2.000,000								987,560	987,560					Dự án khởi công mới		